

THÔNG BÁO
XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY ĐỢT 1 NĂM 2024

Căn cứ Đề án tuyển sinh đại học năm 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 62/QĐ-HVCSPT ngày 18/01/2024 của Giám đốc Học viện, Học viện Chính sách và Phát triển (APD) thông báo xét tuyển đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2024 như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, NGÀNH, CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN

1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đáp ứng các điều kiện tuyển sinh đại học theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Ngành/ chương trình, chỉ tiêu xét tuyển

Bảng 1: Ngành/chương trình, chỉ tiêu xét tuyển

TT	Ngành/Chương trình	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu theo phương thức tuyển sinh								Tổng chỉ tiêu
				HCPTT	HCP01	HCP02	HCP03	HCPD GNL	HCPD GTD	HCP06	HCP07	
1	Ngành Kinh tế: - Chuyên ngành Đầu tư; - Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực; - Chuyên ngành Đầu thầu và quản lý dự án.	7310101	A00, A01, D01, D07	1	8	5	18	20	8	60	60	180
2	Ngành Kinh tế quốc tế: - Chuyên ngành Kinh tế đối ngoại; - Chuyên ngành Thương mại quốc tế và Logistics.	7310106	A00, A01, D01, D07	1	5	2	7	20	5	50	50	140
3	Ngành Kinh tế quốc tế - Chuyên ngành Kinh tế đối ngoại chất lượng cao giảng dạy bằng Tiếng Anh	7310106_1	A01, D01, D07, D10	1	2	2	2	5		10	10	32
4	Ngành Kinh tế phát triển: - Chuyên ngành Kinh tế phát triển; - Chuyên ngành Kế hoạch phát triển; - Chuyên ngành Kinh tế hợp tác.	7310105	A00, A01, D01, C02	1	4		5	10		20	20	60

5	Ngành Quản lý Nhà nước: - Chuyên ngành Quản lý công.	7310205	C00, A01, D01, D09	1	5		5	10		30	30	81
6	Ngành Quản trị kinh doanh: - Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp; - Chuyên ngành Quản trị kinh doanh du lịch; - Chuyên ngành Quản trị Marketing.	7340101	A00, A01, D01, D07	2	14	2	20	20	7	50	45	160
7	Ngành Quản trị kinh doanh: - Chuyên ngành Quản trị kinh doanh chất lượng cao giảng dạy bằng Tiếng Anh	7340101_1	A01, D01, D07, D10	1	2	2	2	5		10	10	32
8	Ngành Tài chính -Ngân hàng: - Chuyên ngành Tài chính - Chuyên ngành Tài chính công - Chuyên ngành Ngân hàng	7340201	A00, A01, D01, D07	1	7		6	16		50	50	130
9	Ngành Tài chính – Ngân hàng - Chuyên ngành Tài chính chất lượng cao giảng dạy bằng Tiếng Anh	7340201_1	A01, D01, D07, D10	1	2	2	2	5		10	10	32
10	Ngành Kinh tế số - Chuyên ngành Kinh tế và kinh doanh số - Chuyên ngành Phân tích dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh	7310109	A00, A01, D01, D07	2	7	2	15	5	5	20	20	76
11	Ngành Luật Kinh tế: - Chuyên ngành Luật đầu tư kinh doanh	7380107	C00, A00, D01, D09	2	6		6	6		20	20	60
12	Ngành Kế toán: - Chuyên ngành Kế toán kiểm toán	7340301	A00, A01, D01, D07	2	5		10	10		20	20	67
13	Ngành Ngôn ngữ Anh: - Chuyên ngành Tiếng Anh kinh tế và kinh doanh	7220201	A01, D01, D07, D10	2	2	1	8	7		20	20	60
	Tổng cộng			18	69	18	106	139	25	370	365	1110

Bảng 2: Mã phương thức xét đợt 1 năm 2024

STT	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức
1	301 (HCPTT)	Xét tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ GD&ĐT
2	303 (HCP01)	Xét tuyển kết hợp theo kết quả học tập THPT và thành tích đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố
3	410 (HCP02)	Xét tuyển kết hợp theo kết quả học tập THPT và chứng chỉ năng lực quốc tế
4	410 (HCP03)	Xét tuyển kết hợp theo kết quả học tập THPT và chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế
5	402 (HCPDGNL)	Xét tuyển dựa trên kết quả bài thi đánh giá năng lực (ĐGNL) của ĐH Quốc gia Hà Nội
6	402 (HCPDGTD)	Xét tuyển dựa trên kết quả bài thi đánh giá tư duy của Đại học Bách Khoa Hà Nội (ĐGTD)
7	200 (HCP06)	Xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12
8	200 (HCP07)	Xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT lớp 12

II. PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

1. Xét tuyển thẳng (Mã: 301-HCPTT): Tuyển thẳng những thí sinh quy định tại mục a Khoản 2 Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Xét tuyển kết hợp

(1) Phương thức 1 (Mã: 303-HCP01): Xét tuyển kết hợp kết quả học tập THPT và thành tích đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố

+ **Điều kiện nhận hồ sơ:** Thí sinh học tại các trường THPT có điểm trung bình chung học tập (TBCHT) học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 7,5 trở lên và đạt giải Nhất, Nhì, Ba các môn thuộc tổ hợp xét tuyển của Học viện tại kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố trở lên

+ **Cách thức xét tuyển:** Xét theo điểm từ trên cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu xét tuyển. Điểm xét tuyển (ĐXT) theo thang 30 được xác định như sau:

$$\mathbf{\text{ĐXT} = (\text{Điểm quy đổi giải thưởng}) \times 3 + \text{điểm ưu tiên (nếu có)}}$$

Bảng điểm quy đổi giải thưởng:

STT	Giải thi Học sinh giỏi	Mức điểm quy đổi
1	Từ giải Ba cấp Quốc gia trở lên	10,0
2	Giải Nhất cấp Tỉnh/Thành phố	9,5
3	Giải Nhì cấp Tỉnh/Thành phố	9,0
4	Giải Ba cấp Tỉnh/Thành phố	8,5

(2) Phương thức 2 (Mã: 410-HCP02): Xét tuyển kết hợp theo kết quả học tập THPT và chứng chỉ năng lực quốc tế

+ **Điều kiện nhận hồ sơ:** Thí sinh học tại các trường THPT có điểm TBCHT học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 7,5 trở lên và có chứng chỉ năng lực quốc tế trong thời hạn 3 năm (tính đến ngày xét tuyển): chứng chỉ SAT đạt từ 1000 điểm trở lên hoặc chứng chỉ ACT đạt từ 25 điểm trở lên hoặc chứng chỉ A-Level đạt từ 70 điểm trở lên.

- **Cách thức xét tuyển:** xét theo điểm từ trên cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu xét tuyển. Điểm xét tuyển (ĐXT) theo thang 30 được xác định như sau:

$$\text{ĐXT} = (\text{Điểm SAT} \times 30) / 1600 + \text{điểm ưu tiên (nếu có)}$$

$$\text{ĐXT} = (\text{Điểm ACT} \times 30) / 36 + \text{điểm ưu tiên (nếu có)}$$

$$\text{ĐXT} = (\text{Điểm A-Level quy đổi}) \times 3 + \text{điểm ưu tiên (nếu có)}$$

Bảng điểm quy đổi chứng chỉ A – Level:

Chứng chỉ	Mức điểm chứng chỉ A – Level	Mức điểm quy đổi
A+	97-100	10,0
A	93-96	10,0
A-	90-92	9,5
B+	87-89	9,2
B	83-86	9,0
B-	80-82	8,7
C+	77-79	8,5
C	73-76	8,2
C-	70-72	8,0

(3) Phương thức 3 (Mã: 410-HCP03): Xét tuyển kết hợp theo kết quả học tập THPT và chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế

- **Điều kiện nhận hồ sơ:** Thí sinh học tại các trường THPT có điểm trung bình chung học tập học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 7,5 trở lên và có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế trong thời hạn 2 năm (tính đến ngày xét tuyển): đạt điểm IELTS 5.0 (hoặc chứng chỉ tương đương) trở lên.

- **Cách thức xét tuyển:** xét theo điểm từ trên cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu xét tuyển. Điểm xét tuyển (ĐXT) theo thang 30 được xác định như sau:

$$\text{ĐXT} = (\text{Điểm quy đổi CCTAQT}) \times 3 + \text{điểm ưu tiên (nếu có)}$$

Bảng điểm quy đổi chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế:

Điểm chứng chỉ					Điểm quy đổi
IELTS Academic	TOEFL iBT	TOEFL ITP	TOEIC	CAMBRIDGE	
5.0	50	463	550	151	8,5
5.5	61	500	600	160	9,0
6.0	66	513	650	170	9,5
6.5	79	550	750	179	10,0
7.0	93	583	800	185	10,0
7.5	105	625	850	190	10,0
8.0	110	645	875	195	10,0

(4) Phương thức 4 (Mã: 402 - HCPDGNL): Xét tuyển dựa trên kết quả bài thi đánh giá năng lực (ĐGNL) của Đại học Quốc gia Hà Nội

+ **Điều kiện nhận hồ sơ:** Thí sinh có kết quả bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2024 đạt từ 75 điểm trở lên.

+ **Cách thức xét tuyển:** xét theo điểm từ trên cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu xét tuyển. Điểm xét tuyển (ĐXT) theo thang 30 được xác định như sau:

$$\text{ĐXT} = (\text{Điểm ĐGNL} \times 30) / 150 + \text{điểm ưu tiên (nếu có)}$$

(5) Phương thức 5 (Mã: 402 - HCPDGTĐ): Xét tuyển dựa trên kết quả bài thi đánh giá tư duy (ĐGTD) của Đại học Bách khoa Hà Nội

+ **Điều kiện nhận hồ sơ:** Thí sinh tham dự bài thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2024 đạt từ 60 điểm trở lên.

+ **Cách thức xét tuyển:** xét theo điểm từ trên cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu xét tuyển. Điểm xét tuyển (ĐXT) theo thang 30 được xác định như sau:

$$\text{ĐXT} = (\text{Điểm ĐGTD} \times 30) / 100 + \text{điểm ưu tiên (nếu có)}$$

(6) Phương thức 6 (Mã: 200- HCP06): Xét tuyển theo điểm học tập THPT

+ **Điều kiện nhận hồ sơ:** Thí sinh có điểm trung bình cộng kết quả học tập theo học kỳ 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển của 2 học kỳ lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 7,5 trở lên.

+ **Cách thức xét tuyển:** xét theo điểm từ trên cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu xét tuyển. Điểm xét tuyển (ĐXT) được xác định như sau:

$$\text{ĐXT} = (\text{Điểm môn 1} + \text{Điểm môn 2} + \text{Điểm môn 3}) + \text{Điểm ưu tiên (nếu có)}$$

Trong đó: Môn 1, môn 2, môn 3 lần lượt là điểm trung bình cộng theo học kỳ các môn thuộc tổ hợp xét tuyển của ngành theo cách tính sau:

Điểm môn 1 = (Điểm TB HK1 lớp 11 môn 1 + Điểm TB HK2 lớp 11 môn 1 + Điểm TB HK1 lớp 12 môn 1)/3

Điểm môn 2 = (Điểm TB HK1 lớp 11 môn 2 + Điểm TB HK2 lớp 11 môn 2 + Điểm TB HK1 lớp 12 môn 2)/3

Điểm môn 3 = (Điểm TB HK1 lớp 11 môn 3 + Điểm TB HK2 lớp 11 môn 3 + Điểm TB HK1 lớp 12 môn 3)/3

Xét tuyển theo thang điểm 30 theo tổ hợp theo từng mã ngành/mã tuyển sinh. Riêng ngành ngôn ngữ Anh, các chương trình chất lượng cao giảng dạy bằng Tiếng Anh: Xét tuyển theo thang điểm 40 với điểm môn Tiếng Anh được nhân hệ số 2,0.

(7) Phương thức 7 (Mã: 200 - HCP07): Xét tuyển theo điểm học tập THPT

+ **Điều kiện nhận hồ sơ:** Thí sinh có điểm trung bình cộng kết quả học tập theo học kỳ 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển của lớp 12 đạt từ 7,5 trở lên.

+ **Cách thức xét tuyển:** xét theo điểm từ trên cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu xét tuyển. Điểm xét tuyển (ĐXT) được xác định như sau:

ĐXT = (Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3) + Điểm ưu tiên (nếu có)

Trong đó: Môn 1, Môn 2, Môn 3 lần lượt là điểm trung bình cộng theo học kỳ các môn thuộc tổ hợp xét tuyển của ngành theo cách tính sau:

Điểm môn 1 = (Điểm TB HK1 lớp 12 môn 1 + Điểm TB HK2 lớp 12 môn 1)/2

Điểm môn 2 = (Điểm TB HK1 lớp 12 môn 2 + Điểm TB HK2 lớp 12 môn 2)/2

Điểm môn 3 = (Điểm TB HK1 lớp 12 môn 3 + Điểm TB HK2 lớp 12 môn 3)/2

Xét tuyển theo thang điểm 30 theo tổ hợp theo từng mã ngành/mã tuyển sinh. Riêng ngành ngôn ngữ Anh, các chương trình chất lượng cao giảng dạy bằng Tiếng Anh: Xét tuyển theo thang điểm 40 với điểm môn Tiếng Anh được nhân hệ số 2,0

3. Nguyên tắc tính điểm ưu tiên

Học viện áp dụng chính sách ưu tiên chung theo quy chế tuyển sinh hiện hành theo khu vực và theo đối tượng, cụ thể:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1(KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm, khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

- Các mức điểm ưu tiên được quy định nêu trên tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm 40 thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương ứng.

- Từ năm 2023, điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định}$$

- Từ năm 2023, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

4. Nguyên tắc xét tuyển

- Học viện thực hiện xét tuyển theo ngành/chương trình theo từng phương thức xét tuyển, không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; lấy từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu không phân biệt thứ tự nguyện vọng giữa các thí sinh.

- Xét tuyển theo thứ tự nguyện vọng ưu tiên. Mỗi thí sinh được đăng ký các nguyện vọng và sắp xếp theo thứ tự ưu tiên (NV1 ưu tiên cao nhất, sau đó là NV2 và NV3, NV4, NV5...); mỗi thí sinh chỉ đỗ một nguyện vọng duy nhất, nếu đã trúng tuyển nguyện vọng trên sẽ không xét tiếp các nguyện vọng còn lại.

- Học viện không áp dụng thêm tiêu chí phụ trong xét tuyển ngoài các quy định trong Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế tuyển sinh của Học viện Chính sách và Phát triển.

III. THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ VÀ LỊCH XÉT TUYỂN

STT	Thời gian nhận hồ sơ	Phương thức xét tuyển	Thời gian công bố kết quả
1	15/3 - 15/06/2024	HCP01 HCP02 HCP03 HCPDGNL HCPDGTD HCP06	Tháng 6/2024
2	01/5 – 15/06/2024	HCP07	Tháng 6/2024

IV. HỒ SƠ XÉT TUYỂN

1. Hình thức đăng kí xét tuyển và hồ sơ xét tuyển

- Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tuyến tại địa chỉ: <http://dkxt.apd.edu.vn>, làm theo hướng dẫn và upload lên hệ thống bản chụp các giấy tờ như sau:

- + Ảnh chụp Học bạ THPT (bản gốc hoặc bản sao công chứng);
- + Ảnh chụp giấy chứng nhận, giấy tờ có liên quan đến đối tượng xét tuyển (*chứng chỉ Tiếng Anh, chứng chỉ năng lực quốc tế, kết quả các bài thi đánh giá năng lực, kết quả bài thi đánh giá tư duy, giải thưởng thi HSG...*);
- + Ảnh chụp các giấy tờ có liên quan đến đối tượng ưu tiên (nếu có).

2. Lệ phí và phương thức nộp lệ phí xét tuyển

a. Lệ phí xét tuyển: 25.000đ/nguyên vọng.

b. Phương thức nộp lệ phí: Chuyển khoản bằng mã định danh theo hướng dẫn.

3. Tư vấn trực tuyến (online)

- Hotline : 0523333599 - 0523333588

- Website : <http://www.apd.edu.vn>

- Email : quanlydaotao@apd.edu.vn

- Facebook: <http://www.facebook.com/hocvienchinhsachphattrien/>
hoặc <http://www.facebook.com/tvtsapd/>
hoặc <https://www.facebook.com/HocvienCSPT>

Học viện Chính sách và Phát triển Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- ĐU, HĐHV (đề b/c)
- Thành viên HĐTS;
- Các đơn vị thuộc HV;
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT.

**GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**



PGS, TS. Trần Trọng Nguyên